TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2021
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST-HN ngày 30 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2021 và Thông báo số 88/TB-TA ngày 19/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978, địa chỉ: đường P, khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1977, địa chỉ: đường P, khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị H vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; Anh L vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Năm 1993, Chị H và Anh L tự tìm hiểu và quen biết nhau, tổ chức lễ cưới năm 1993. Năm 2009, Chị H và Anh L đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường L, thị xã T),

tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng Chị H và Anh L chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do Anh L không lo làm ăn, phụ giúp gia đình, cờ bạc, nhiều lần Chị H và người thân hai bên khuyên ngăn nhưng Anh L không thay đổi, có lần thì Anh L đánh Chị H nhập viện, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Đến năm 2018, Chị H và Anh L tiếp tục bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và đã sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Nguyên đơn đã nộp các tài liệu chứng cứ: Bản tự khai; Bản sao sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của nguyên đơn; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 175/KH ngày 19/6/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường L, thị xã T) cấp cho Chị H và Anh L; Bản sao Giấy khai sinh Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Ngọc K; Đơn xin xác nhận ngày 20/4/2021; Tờ tường trình ngày 23/4/2021; 01 (một) USB, hiệu Apacer, màu xanh đen, dung lượng 14,4 GB.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như Chị H trình bày. Năm 2011, Anh L và Hằng phát sinh mâu thuẫn do Anh L uống rượu về nhà có chửi mắng, đánh vợ và con, Anh L thừa nhận có lần đánh Chị H nhập viện, có cờ bạc (chơi số đề), người thân hai bên gia đình có khuyên ngăn. Đến khoảng năm 2018, Anh L và H bất đồng quan điểm sống về tình cảm và sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay. Anh L còn thương vợ và con nên Anh L không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L, thống nhất trong thời kỳ hôn nhân, Chị H và Anh L có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L, thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập, xác minh: Lấy lời khai em Nguyễn Thị Ngọc K (con ruột của Chị H và Anh L); lấy lời khai chị Trần Thị T (em Anh L) , cụ thể:

Em Nguyễn Thị Ngọc K cung cấp: Anh L thường xuyên uống rượu và hay đánh đập Chị H. Khi có rượu, ông L có những lời lẽ xúc phạm, chửi mắng Chị H và không quan tâm đến đến gia đình. Anh L và Chị H sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay do Anh L và Chị H tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi.

Chị Trần Thị T cung cấp: Anh L thường xuyên uống rượu, hay đánh và có những lời lẽ xúc phạm Chị H, Anh L không lo cho Chị H và các con chung. Chị H và Anh L không chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Chị H và Anh L có hai con chung Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1999, các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Tại phiên tòa, Chị H và Anh L đều vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu đi đến tổ chức lễ cưới 1993 và đăng ký kết hôn 2009 tại UBND phường L. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Anh L có hành vi bạo lực với Chị H, không quan tâm chăm sóc vợ con, Chị H và người thân hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng Anh L không thay đổi, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ 2018 cho đến nay.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của Anh L và Chị H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đặt được. Do đó, việc Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh L là có cơ sở, nên chấp nhận.

+ Về quan hệ con chung: Không có

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn L.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Anh L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt lần hai không lý do. Căn cứ quy định Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 175/KH ngày 19/6/2009, hôn nhân giữa Chị H và Anh L là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị H khai, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do Anh L không lo làm ăn, phụ giúp gia đình, cờ bạc, nhiều lần Chị H và người thân hai bên khuyên ngăn nhưng Anh L không thay đổi, có lần thì Anh L đánh Chị H nhập viện. Đến năm 2018, Chị H và Anh L tiếp tục bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và đã sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Anh L khai, thời gian đầu, anh Lê và Chị H chung sống hạnh phúc. Đến năm 2011, Anh L và Chị H phát sinh mâu thuẫn do Anh L uống rượu về nhà chửi mắng, đánh vợ và con, Anh L thừa nhận có lần Chị H đánh Chị H nhập viện, có cờ bạc (chơi số đề), người thân hai bên gia đình có khuyên ngăn. Năm 2018, Anh L và Chị H bất đồng quan điểm sống về tình cảm và đã sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay. Anh L còn thương vợ và con nên Anh L không đồng ý ly hôn.

Em Nguyễn Thị Ngọc K cho biết: Anh L thường xuyên uống rượu và hay đánh đập Chị H. Đồng thời, khi có rượu là Anh L có những lời lẽ xúc phạm, chửi mắng Chị H, Anh L không quan tâm đến gia đình. Anh L và Chị H sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Chị Trần Thị T cho biết: Anh L thường xuyên uống rượu, hay đánh và có những lời lẽ xúc phạm Chị H, Anh L không lo cho Chị H và các con chung. Chị H và Anh L không chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của Chị H và Anh L phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 và ngày càng trầm trọng. Anh L và Chị H đã sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Tình trạng vợ chồng Chị H và Anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho Chị H. Xét, cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị H và Anh L thống nhất, trong thời kỳ hôn nhân, Chị H và Anh L có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và Anh L thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hằng.

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn 175/KH, được Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh An Giang cấp ngày 19/6/2009 cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L không còn giá trị pháp lý.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số TU/2019/0006779 ngày

16 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của Chị H và Anh L là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.